

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 36

Phẩm 42: TÁM NẠN (1)

KINH SỐ 1¹

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Kẻ phàm phu không nghe, không biết thời tiết mà pháp được thuyết. Tỳ-kheo nên biết, có tám thời tiết mà lúc đó con người không nghe, không được tu hành. Những gì là tám?

Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, sở hành của Như Lai đến được Niết-bàn, nhưng chúng sinh này ở trong địa ngục nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ nhất.

Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sinh này ở trong loài súc sinh nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ hai.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sinh này ở trong loài ngạ quỷ nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ ba.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sinh này sinh lên trời Trường thọ nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ tư.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sinh này sinh ở biên địa, phỉ báng Hiền thánh, tạo các tà nghiệp. Đó gọi là nạn thứ năm.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, chúng sinh này tuy sinh ở trung tâm đất nước, nhưng sáu căn không đầy đủ, cũng lại không phân biệt được pháp thiện ác. Đó gọi là nạn thứ sáu.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, chúng sinh này sinh ở trung tâm đất nước, tuy sáu căn lại hoàn toàn, không có thiếu sót; nhưng chúng sinh này tâm thức tà kiến, cho rằng không có người cho, không có vật bố thí, không có người nhận, không có quả báo thiện ác, không có đời này, đời sau, cũng không có cha mẹ; đời không có Sa-môn, Bà-la-môn nào thành tựu được A-la-hán, tự thân chứng ngộ và an trú. Đó gọi là nạn thứ bảy.

Lại nữa, Như Lai không xuất hiện ở đời, không nói giáo pháp khiến đến Niết-bàn, dẫu chúng sinh này sinh ở trung tâm đất nước, đầy đủ sáu căn, có thể thọ nhận giáo pháp, thông minh tài giỏi, nghe pháp liền hiểu, tu hành chánh kiến, tin có vật bố thí, có người bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, đời sau, đời có Sa-môn, Bà-la-môn, tu chánh kiến, tác chứng đắc A-la-hán. Đó gọi là nạn thứ tám, khiến người phạm hạnh không thể tu hành. Tỳ-kheo, đó gọi là có tám nạn này, khiến phạm

¹. Pāli, A. III. 29 Akkhaṇa (R. iv. 225). Hán, *Trung 29*, kinh 124.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

hạnh không thể tu hành.

Ở đây, Tỳ-kheo, có một pháp thời tiết mà người phạm hạnh có thể tu hành. Một ấy là gì? Ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, mà người này sinh ở trung tâm đất nước, thế trí biện thông, đối vật đều sáng tỏ, tu hành chánh kiến, có thể phân biệt pháp thiện ác, tin có đời này, đời sau, đời có Sa-môn, Bà-la-môn tu chánh kiến, tác chứng, đắc A-la-hán. Đó gọi là một pháp khiến người phạm hạnh có thể tu hành, đắc đến Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tám nạn chẳng một loại
Khiến người không đắc đạo
Như nay thời hiện tại
Thế gian rất khó gặp;
Nên hãy học chánh pháp
Chớ mất cơ hội này
Nhớ lại về quá khứ
Đã từng sinh địa ngục;
Nên đoạn trừ, vô dục
Mà tư duy chánh pháp
Lâu dài trong thế gian
Không khi nào dứt tuyệt;
Nên đoạn trừ, vô dục
Mà tư duy chánh pháp
Đoạn hẳn nguồn sinh tử
Lâu dài trong thế gian.
Nay đã được thân người
Phân biệt pháp chánh chân
Những người không đắc quả
Tất sống trong tám nạn.
Nay nói có tám nạn
Yếu hành của Phật pháp
Một nạn vẫn nguy kịch
Như ván nổi ngoài biển.
Tuy sẽ lìa một nạn
Dẫu cho có lý này
Nếu lìa một, bốn Đế
Vĩnh viễn lìa chánh đạo.
Cho nên phải chuyên tâm
Tư duy lý vi diệu
Chỉ thành nghe chánh pháp
Đạt đến chỗ vô vi.*

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện xa lìa nơi tám nạn, chớ mong ở trong đó.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

KINH SỐ 2

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ:

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có tám địa ngục lớn. Những gì là tám?

1. Địa ngục Hoàn hoạt.
2. Địa ngục Hắc thẳng.
3. Địa ngục Đẳng hại.
4. Địa ngục Thế khốc.
5. Địa ngục Đại thế khốc.
6. Địa ngục A-tỳ.
7. Địa ngục Viêm.
8. Địa ngục Đại viêm.²

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Hoàn hoạt và Hắc thẳng
Đẳng hại và Thế khốc
Ngũ nghịch ngục A-tỳ
Địa ngục Viêm, Đại viêm.
Đó là tám địa ngục
Trong ấy không thể ở
Đều do gốc hạnh ác
Mười sáu lớp ngăn quanh.
Còn trên ngục sắt kia
Bị lửa thường thiêu đốt
Tràn ngập một do-tuần
Lửa cháy dậy hừng hực.
Bốn thành bốn cửa ngõ
Ở trong rất bằng phẳng
Lại dùng sắt làm thành
Ván sắt che trên đó.*

Đây là do duyên tội báo chúng sinh, khiến chúng sinh kia chịu khổ vô cùng, máu thịt tiêu hết, chỉ còn có xương.

Vì những duyên cố gì gọi là địa ngục Hoàn hoạt? Những chúng sinh kia thân hình thẳng đơ, không cử động, bị khổ bức bách không thể di chuyển, thân thể không còn máu thịt. Lúc đó, chúng sinh nói với nhau: “Chúng sinh sống lại!” Khi ấy, chúng sinh kia tức thì sống lại. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Hoàn hoạt.

Lại vì nhân gì mà gọi là địa ngục Hắc thẳng? Vì chúng sinh kia hình thể gân, mạch, đều hóa thành dây, để chĩa vào thân. Cho nên gọi là địa ngục Hắc thẳng.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đẳng hại? Lúc ấy, chúng sinh kia tụ tập lại một chỗ, đã chém đầu mà giây lát sống trở lại. Vì nhân duyên này gọi là địa ngục Đẳng hại.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Thế khốc? Chúng sinh kia đã đoạn mất căn

² Xem *Trường 19*, kinh 30 Thế Ký, phẩm “Địa Ngục” Cf. Pāli, Jā v. 266, 271: Sañjīva, Kālasutta, Saṅgha, Jalaroruva, Dhūmaroruva, Mahāvīci, Tapana, Mahātapana.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

lành, không còn sót chút lông tóc, ở trong địa ngục kia chịu vô số khổ não, ở đó kêu gào oán hận, tiếng kêu không dứt. Vì nhân duyên này nên gọi là địa ngục Thế khốc.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại thế khốc? Chúng sinh kia ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ sở, không thể tính hết. Ở trong đó kêu gào, đấm ngực, tự tát vào mặt, đồng thanh gào thét. Vì nhân duyên này gọi là địa ngục Đại thế khốc.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục A-tỳ? Các loài chúng sinh giết hại cha mẹ, phá hoại tháp Phật, gây đấu loạn chúng Tăng, hành theo tà kiến điên đảo, tương ứng với tà kiến, không thể chữa trị. Vì vậy cho nên gọi là địa ngục A-tỳ.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Viêm? Các loài chúng sinh trong địa ngục kia, thân thể bốc khói, thấy đều tan rã. Cho nên gọi là địa ngục Viêm.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại viêm? Các chúng sinh trong địa ngục này đều không thấy sót lại cái gì của tội nhân. Cho nên gọi là địa ngục Đại viêm.

Tỳ-kheo, đó là vì nhân duyên này mà gọi tên tám địa ngục lớn. Mỗi một địa ngục có mười sáu ngục nhỏ. Tên chúng là địa ngục Ưu-bát, địa ngục Bát-đầu, địa ngục Câu-mâu-đầu, địa ngục Phân-đà-lợi, địa ngục Vị tầng hữu, địa ngục Vĩnh vô, địa ngục Ngu hoặc, địa ngục Súc tỵ, địa ngục Dao sơn, địa ngục Thang hỏa, địa ngục Hỏa sơn, địa ngục Khô hà, địa ngục Kinh cức, địa ngục Phát thi, địa ngục Kiểm thọ, địa ngục Nhiệt thiết hoàn.³

Như vậy, mười sáu ngục nhỏ này không thể ước tính hết, khiến chúng sinh kia sinh trong địa ngục. Hoặc có chúng sinh phá hủy chánh kiến, phỉ báng chánh pháp mà tránh xa, sau khi mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục Hoàn hoạt.

Những chúng sinh nào ham thích sát sinh, sẽ sinh vào trong địa ngục Hắc thăng.

Những chúng sinh giết mổ bò, dê và các loại khác, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đẳng hại.

Những chúng sinh lấy của không cho, ăn trộm vật của người khác, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Thế khốc.

Những chúng sinh thích đâm dật, lại nói dối, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đại thế khốc.

Những chúng sinh giết hại cha mẹ, phá hoại chùa tháp, gây đấu loạn Thánh chúng, phỉ báng Thánh nhân, hành theo tà kiến điên đảo, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục A-tỳ.

Những chúng sinh nghe lời ở đây truyền đến nơi kia, nghe nơi kia truyền đến nơi này, muốn người phượng tiện, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Viêm.

Lại có chúng sinh gây loạn hai bên, tham lam của người, khởi tâm ganh tỵ, trong lòng nghi kỵ, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đại viêm.

Nếu có chúng sinh tạo các tạp nghiệp, sau khi mạng chung sinh vào mười sáu địa ngục nhỏ đó. Bấy giờ, ngục tốt hành hạ chúng sinh kia khổ sở khôn lường, hoặc bị chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc chặt tay chân, hoặc xẻo mũi, hoặc cắt tai mũi, hoặc lấy gỗ ván ép lên, hoặc lấy cỏ nhét vào bụng, hoặc lấy tóc treo ngược, hoặc lột da, hoặc cắt thịt, hoặc xẻ làm hai phần, hoặc may dính trở lại, hoặc xẻ làm năm, hoặc dùng lửa nướng một bên, hoặc rưới nước sôi nóng chảy lên, hoặc phanh thây làm năm, hoặc kéo dài thân, hoặc

³. Tên các địa ngục, đồng nhất Pāli: Ưu-bát (Uppala), Bát-đầu (Paduma), Câu-mâu-đầu (Kumuda), Phân-đà-lợi (Punḍarīka), Vị tầng hữu (Abbuda; bản Hán đọc là Abbhuta), Vĩnh vô (Nirabbuda; bản Hán đọc là Nibbhuta), Ngu hoặc (Ababa; bản Hán đọc là Bala?), Súc tỵ (?), Dao sơn (Khuradhāra), Thang hỏa (Kukkuḷa), Hỏa sơn (?), Khô hà (Khārodakanadī), Kinh cức (Sattisūla), Phát thi (Gūṭha), Kiểm thọ (Asipattavana), Nhiệt thiết hoàn (?).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

dùng búa bèn chặt đầu mà giây lát sống trở lại, chỉ khi nào những tội đã tạo ra ở nhân gian trả hết, sau đó mới ra khỏi.

Bấy giờ, ngục tốt bắt chúng sinh kia dùng chùy lớn đập nát thân thể nó, hoặc róc xương gân. Lại rượt đuổi cho lên cây kiếm, rồi lại rượt đuổi cho xuống, rồi sau đó có chim mỏ sắt đến mổ; lại bắt trói chặt năm chi, không được động đậy; lại đem bỏ vào trong vạc nước sôi lớn, dùng thêm chĩa sắt hại thân, khi gió thổi qua, thân kia sống lại như cũ. Lúc ấy, ngục tốt lại bắt chúng sinh lên núi đao, núi lửa, không cho dừng nghỉ. Ở trong đó chịu khổ không thể nào nói hết, chỉ khi nào những tội đã tạo ra ở nhân gian trả hết, sau đó mới ra khỏi.

Bấy giờ, người có tội không chịu nổi đau khổ, lại tìm vào trong địa ngục tro nóng chịu vô lượng khổ đau. Từ trong đó ra, lại vào trong địa ngục gai nhọn chích ngược, ở trong ấy gió thổi đến đau đớn không thể tả. Từ trong đó ra, lại vào trong địa ngục phần nóng. Trong địa ngục phần nóng lúc ấy, có loại trùng nhỏ xíu ăn xương thịt nó. Khi ấy, chúng sinh không kham chịu khổ đau, lại dời đến địa ngục cây kiếm, thân thể thương tổn, đau không thể chịu đựng nổi.

Khi ấy, ngục tốt bảo với chúng sinh kia: “Các người từ đâu đến?” Tội nhân đáp: “Bọn chúng tôi cũng không biết là từ đâu lại?” Lại hỏi: “Sẽ đi về đâu?” Đáp: “Cũng lại không biết đến chỗ nào.” Lại hỏi: “Muốn gì?” Đáp: “Chúng tôi đói khát quá.” Ngục tốt liền lấy viên sắt nóng bỏ vào miệng tội nhân, thiêu chín thân thể, đau đớn không thể chịu nổi. Chỉ khi nào trả hết những tội trước kia đã tạo ra, sau đó mới mạng chung. Lúc ấy, tội nhân lại trải qua bao nhiêu địa ngục, ở trong đó chịu khổ hàng ngàn vạn năm, sau đó mới ra.

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ vua Diêm-la tự nghĩ: “Những chúng sinh nào mà thân, miệng, ý hành ác, phải chịu hết những tội như vậy. Những chúng sinh mà thân, miệng, ý hành thiện, những người như vậy đều sẽ sinh về trời Quang âm.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người ngu thường nhờn nhờn
Như trời Quang âm kia.
Người trí thường lo sợ
Giống như ở địa ngục.*

Bấy giờ, này Tỳ-kheo, giáo lệnh của vua Diêm-la được nghe: “Ước mong ngày nào ta diệt hết những tội đã tạo ra xưa kia, để mạng chung ở đây, được thọ hình người, sinh ở trung tâm đất nước, theo Thiện tri thức, cùng gặp cha mẹ dốc lòng tin Phật pháp, được xuất gia học đạo ở trong chúng Như Lai, ngay trong đời hiện tại mà dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu. Nay ta nói lại lần nữa với các ông, hãy cố gắng dụng tâm để lìa xa tám nạn, được sinh tại trung tâm đất nước, gặp được Thiện tri thức, được tu phạm hạnh, được thành chánh quả như ước nguyện.”

Này các Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào muốn lìa tám địa ngục lớn và mười sáu ngục nhỏ, phải tìm cầu phương tiện tu tám Chánh đạo.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 3

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Nại thị⁴, thành Tỳ-xá-ly, cùng năm trăm Tỳ-kheo, lần hồi đi du hóa trong nhân gian.

Lúc ấy, Thế Tôn quay lại nhìn thành Tỳ-xá-ly rồi nói bài kệ này:

*Nay ngắm Tỳ-xá-ly
Sau không ngắm lại nữa
Cũng không vào lại nữa
Nơi đó, sẽ từ biệt.*

Lúc ấy, nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly nghe bài kệ này, trong lòng sầu ưu, đi theo sau Thế Tôn, ai ai cũng đều rơi lệ, nói với nhau:

–Không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ, thế gian sẽ mất ánh sáng.

Thế Tôn bảo:

–Thôi, thôi! Các người chớ ôm lòng sầu ưu. Vật phải chịu hủy hoại mà muốn nó không bị hủy hoại, không hề có lý này. Trước đây, Ta đã có nói, do bốn sự mà được tác chứng. Ta cũng đã dạy cho bốn bộ chúng bốn sự này. Những gì là bốn? Tất cả hành là vô thường, đó gọi là pháp thứ nhất. Tất cả hành là khổ, đó gọi là pháp thứ hai. Tất cả hành vô ngã, đó gọi là pháp thứ ba, Niết-bàn là diệt tận, đó là pháp thứ tư. Như vậy, không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Các vị nên biết gốc bốn pháp này, hãy giải giảng ý nghĩa đó cho khắp tất cả chúng sinh.

Bấy giờ, Như Lai muốn cho nhân dân thành Tỳ-xá-ly quay trở về, liền hóa ra một hố lớn. Như Lai đưa các Tỳ-kheo sang bờ kia. Nhân dân nước ấy ở lại bên bờ này. Rồi Thế Tôn ném bát của mình lên hư không cho nhân dân ấy, lại nói rằng:

–Các người khéo cúng dường bát này. Cũng nên cúng dường Pháp sư tài giỏi thì mãi mãi sẽ được phước vô lượng.

Sau khi cho họ bát mình rồi, Thế Tôn liền đến nước Câu-thi-na-kiệt.⁵

Lúc ấy, hơn năm trăm Lực sĩ⁶ ở nước Câu-thi-na-kiệt tập hợp lại một chỗ, bàn luận với nhau:

–Chúng ta cùng nhau làm việc kỳ lạ để sau khi mạng chung, vang danh cùng khắp, con cháu cùng truyền: “Ngày xưa, các Lực sĩ Câu-thi-na-kiệt có sức mạnh không ai bì.”

Sau đó, họ lại nghĩ: “Nên làm công đức gì?”

Bấy giờ, cách nước Câu-thi-na-kiệt không xa có tảng đá vuông lớn, dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ. “Chúng ta hãy dựng đứng nó lên.” Họ dùng hết sức lực để dựng nó, nhưng không thể dựng được. Không lay động nổi, huống gì là nâng lên.

Lúc đó, Thế Tôn liền đi đến chỗ họ, nói rằng:

–Các đồng tử, các cậu muốn làm gì?

Các đồng tử bạch Phật:

–Vừa rồi, chúng con có bàn như vậy: “Chúng ta sẽ dời tảng đá này đi, để được vang

⁴. Nại thị 奈氏, để bản chép nhầm là Nại kỳ 奈祇. Pāli: Ambapālivana, khu rừng của kỹ nữ Ambapāli (Nại nữ) cúng cho Phật. Cf. *Trường 2* (tr. 13b19 tt); Pāli, M. 18 (R.ii. 95). Từ đây trở đi, tường thuật đoạn đường cuối cùng của Phật đi đến rừng tịch diệt.

⁵. Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭. Pāli: Kusinārā. Bản kinh này nhảy tắt. *Trường 2, 3* và Pāli M.18, từ Tỳ-át-ly, Phật đi qua nhiều chỗ rồi cuối cùng mới đến Câu-thi-na; tại đây Phật sẽ nhập diệt.

⁶. Lực sĩ 力士, danh từ riêng chỉ bộ tộc chú không phải danh từ chung; phiên âm là Mạt-la 末羅. Một trong các bộ tộc lớn thời Phật, lãnh địa là thành Câu-thi-na và Ba-bà. Pāli: Mallā, với hai thủ phủ Pāvā và Kusinārā.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đanh đời đời. Thi công từ đó đến nay đã bảy ngày, nhưng không thể làm cho tảng đá này chuyển động.”

Phật bảo các đồng tử:

–Các cậu có muốn Như Lai dựng tảng đá này đứng dậy không?

Các đồng tử đáp:

–Nay chính là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn đặt lại tảng đá này.

Khi ấy, Thế Tôn liền dùng bàn tay phải nâng khối đá này đặt lên bàn tay trái, rồi ném lên hư không. Tảng đá ấy lên đến Phạm thiên.

Lúc ấy, các lực sĩ Câu-thi-na-kiệt không thấy tảng đá nữa, bèn bạch Thế Tôn:

–Nay tảng đá đi đâu? Giờ tất cả chúng con đều không thấy.

Thế Tôn bảo:

–Tảng đá đã lên đến Phạm thiên.

Các đồng tử bạch Phật:

–Khi nào tảng đá này sẽ trở lại trên Diêm-phù-lợi-địa?

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta sẽ đưa ra ví dụ. Người trí nhờ ví dụ sẽ tự hiểu. Nếu có người lên đến Phạm thiên, cầm tảng đá này ném xuống cõi Diêm-phù-địa, thì mười hai năm mới đến. Nhưng nay do cảm ứng oai thần Như Lai, nó sẽ trở lại ngay bây giờ.

Sau khi Như Lai nói lời này xong, giây lát tảng đá rơi trở lại. Giữa hư không mưa xuống hàng trăm loại hoa trời. Bấy giờ, hơn năm trăm các đồng tử kia, từ xa nhìn thấy tảng đá rơi xuống, mọi người đều chạy tán loạn, không ai đứng yên chỗ cũ.

Phật bảo các đồng tử:

–Chớ có sợ hãi. Như Lai biết lúc nào thích hợp.

Khi ấy, Thế Tôn duỗi tay trái, từ xa đón tảng đá ấy đặt vào bàn tay phải, rồi dựng đứng nó lên. Lúc ấy, tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, các trời thần diêu giữa hư không rải các loại hoa sen ưu-bát. Lúc ấy, năm trăm đồng tử đều khen là thật kỳ lạ, chưa từng có, oai thần của Như Lai thật không gì có thể sánh kịp. Tảng đá này dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ, mà Như Lai có thể dùng một tay để đặt để nó.

Năm trăm đồng tử bèn bạch Phật rằng:

–Như Lai dùng lực gì để dời tảng đá này? Dùng sức thần túc, hay dùng sức trí tuệ để đặt lại tảng đá này?

Phật bảo các đồng tử:

–Ta không dùng sức thần túc, cũng không dùng sức trí tuệ. Nay Ta dùng sức cha mẹ cho để đặt lại tảng đá này.

Các đồng tử bạch Phật:

–Không rõ Như Lai dùng sức cha mẹ, là nghĩa thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta sẽ đưa ra một ví dụ. Người trí nhờ ví dụ sẽ tự hiểu. Các đồng tử, sức mười con lạc đà không bằng sức của một con voi thường. Lại nữa, sức mười con lạc đà và một con voi thường không bằng sức của một con voi Ca-la-lặc⁷. Lại nữa, sức của mười con lạc đà, một con voi thường và sức voi Ca-la-lặc không bằng sức của một con voi Cưu-đà-diên⁸. Giả sử ngay sức mười con lạc đà, một con voi thường cho đến sức con voi Cưu-đà-

⁷. Ca-la-lặc. Cf. *Trung 36* (tr. 656c17): Gia-la-lê 加羅梨. Pāli: Kālārikā, M. i. 178.

⁸. Cưu-đà-diên 鳩陀延. Pāli (?).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

diên không bằng sức của một con voi Bà-ma-na⁹. Lại tính sức con voi này không bằng sức một con voi Ca-nê-lưu¹⁰. Lại tính hết sức những con voi trên lại không bằng sức một con voi Ưu-bát¹¹. Lại tính sức bao nhiêu voi trên lại không bằng sức một con voi Câu-mâu-đà. Lại gom bao nhiêu sức các voi trên, lại không bằng sức một con voi Phân-đà-lợi. Lại gom tính hết những con voi trên đó, lại không bằng sức một con Hương tượng¹². Lại tính hết sức những con trên gộp lại không bằng sức một con Ma-ha-na-cực¹³. Lại tính gom tất cả sức lực trên, lại không bằng sức một vị Na-la-diên¹⁴. Lại tính gộp tất cả sức trên cũng không bằng sức một Chuyển luân thánh vương. Lại tính tất cả sức trên hợp lại cũng không bằng sức một vị A-duy-việt-trí¹⁵. Lại tính gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của một vị Bồ-tát bồ xứ. Lại gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của một vị Bồ-tát ngồi dưới bóng cây Đạo thọ. Lại gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của thân thể cha mẹ di truyền của Như Lai. Nay Ta đã dùng sức ấy để đặt lại tảng đá này.

Lúc ấy, năm trăm đồng tử lại bạch Thế Tôn:

–Lực thần túc của Như Lai thì thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Trước đây Ta có đệ tử tên Mục-kiền-liên có thần túc bậc nhất. Lúc ấy, Ta cùng vị ấy du hóa ở trong thôn Trúc viên Tỳ-la-nhã¹⁶. Lúc ấy, trong nước này đang đói kém, nhân dân ăn thịt lẫn nhau, xương trắng đầy đường. Người xuất gia học đạo khát thực khó được. Thánh chúng gầy ốm, sức lực hư cạn. Lại nữa, nhân dân trong làng đều đói khát, lại cũng không nơi nương cậy. Mục-kiền-liên, bấy giờ đến chỗ Ta bạch với Ta: “Nay Tỳ-la-nhã này rất là đói kém, không nơi nào khát thực được. Nhân dân khổ, không còn đường sống. Con tự thân nghe từ Như Lai những lời dạy này: Phần dưới đất này có chất béo đất rất thơm ngon. Cúi xin Thế Tôn cho phép đệ tử lật lớp béo đất này lên trên để nhân dân này có được thức ăn và khiến Thánh chúng cũng được khí lực sung mãn.” Khi ấy, Ta bảo Mục-liên: “Các côn trùng mềm yếu trong đất sẽ được để ở đâu?” Mục-liên bạch: “Một tay con sẽ hóa ra giống như đất này và một tay sẽ lật ngược lớp mỡ đất này, khiến những côn trùng mềm yếu đều ở yên tại chỗ của chúng.” Bấy giờ, Ta lại bảo Mục-liên: “Ông muốn lật đất này lên bằng tâm thức gì?” Mục-liên bạch: “Nay con lật đất này lên giống như người lực sĩ lật một lá cây, không có gì khó khăn.” Lúc ấy, Ta lại bảo Mục-liên: “Thôi, thôi, Mục-liên! Không cần lật đất mỡ này. Vì sao? Chúng sinh thấy việc này, sẽ sinh lòng sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, tháp miếu của chư Phật cũng sẽ bị hư hoại.” Mục-liên lại bạch với Phật: “Cúi xin Thế Tôn cho phép Thánh chúng đến Uất-đan-việt khát thực.” Phật bảo Mục-liên: “Trong đại chúng này, những người không có thần túc sẽ làm sao đến đó khát thực?” Mục-liên bạch Phật: “Những người không có thần túc, con sẽ đưa đến đất

⁹. Bà-ma-na. *Trung 36*: Bà-hòa-ngỗ 婆惹瑠. Pāli, ibid.: Vāmanikā.

¹⁰. Ca-nê-lưu 迦泥留. *Trung 36*: Gia-lê-ngỗ 加梨瑠. Pāli, ibid.: Kaṇeru (?).

¹¹. Ưu-bát (Pāli: Uppala), Câu-mâu-đà (Pāli: Kumuda), Phân-đà-lợi (Pāli: Puṇḍarīka), đều là tên các loại sen.

¹². Hương tượng 香象; cf. *Câu-xá 27* (tr. 140c09); Skt. Gandhahastin, gandhagaja.

¹³. Ma-ha-na-cực 摩訶那極. *Câu-xá 27*: Ma-ha-nặc-kiện 摩訶諾健. Pāli, ibid. Mahānāga.

¹⁴. Na-la-diên 那羅延. *Câu-xá 27* (tr.). Skt. Nārāyaṇa, tên một vị trời.

¹⁵. A-duy-việt-trí 阿維越致. Skt. Avaivartika, Bồ-tát Bất thoái chuyển.

¹⁶. Tỳ-la-nhã thôn Trúc viên 毘羅若竹園村. Chuyện được kể trong *Tứ Phần 1* (tr. 569a10): Phật trú dưới gốc cây Na-lân-la-tân-mạn-chu-đà-la (Pāli: Naḷerupicumanda) trong thôn Tỳ-la-nhã (Pāli: Verañja).

ấy.” Phật bảo Mục-liên: “Thôi, thôi, Mục-liên! Thánh chúng cần gì phải đến đó khát thực? Vì sao? Đời tương lai cũng sẽ có lúc đói kém như vậy, khát cầu khó được, người không nhan sắc.” Lúc ấy các trưởng giả Bà-la-môn sẽ nói với Tỳ-kheo: “Sao các ông không đến Uất-đan-việt khát thực? Ngày xưa các đệ tử họ Thích có thần túc, gặp lúc đói kém, đều cùng nhau đến Uất-đan-việt khát thực để tự nuôi sống. Ngày nay đệ tử Thích ca không có thần túc, cũng không có hành vi oai thần của Sa-môn.” Rồi coi thường Tỳ-kheo, khiến cho các cư sĩ trưởng giả kia đều sinh tâm kiêu mạn, mắc vô lượng tội. Mục-kiền-liên nên biết, vì nhân duyên này, các chúng Tỳ-kheo không nên đến hết đó khát thực.

Các đồng tử nên biết, thần túc của Mục-liên có oai đức của nó như vậy. Tính sức thần túc của Mục-liên tràn khắp tam thiên đại thiên thế giới, không có một khe hở, nhưng không bằng một phần hàng trăm, ngàn, ức, vạn lần sức thần túc của Thế Tôn; không thể dùng ví dụ để so sánh. Thần túc của Như Lai, oai đức không thể đo lường được.

Các đồng tử bạch Phật:

–Sức trí tuệ của Như Lai thì thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Trước đây, ta cũng có đệ tử tên Xá-lợi-phất là bậc nhất trong hàng có trí tuệ. Như một biển lớn dài rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, nước đầy trong đó. Lại có núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, chìm vào nước cũng như vậy. Diêm-phù-ly-địa, Nam đến Bắc là hai vạn một ngàn do-tuần; Đông sang Tây là bảy ngàn do-tuần. Nay lấy chúng để so sánh. Dùng nước trong bốn biển lớn làm mực; lấy núi Tu-di làm giấy; lấy cỏ cây hiện có Diêm-phù-địa làm bút; lại khiến người trong cả tam thiên đại thiên thế giới đều viết, để tả hành nghiệp trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Song, các đồng tử nên biết, nước mực trong bốn biển lớn cạn, bút hết, người dần dần mạng chung, cũng không thể khiến trí tuệ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cạn kiệt hết. Cũng vậy, các đồng tử, trong các đệ tử của ta, trí tuệ bậc nhất không ai vượt hơn trí tuệ Xá-lợi-phất. Tính trí tuệ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể biến khắp tam thiên đại thiên thế giới không có một khe hở, nhưng muốn so với trí tuệ của Như Lai thì gấp trăm, ngàn, ức, vạn lần, không thể ví dụ để so sánh. Sức trí tuệ Như Lai chúng là như vậy.

Các đồng tử lại bạch Phật:

–Còn có sức nào hơn các sức này không?

Thế Tôn bảo:

–Cũng có sức này vượt trên các sức này. Đó là gì? Đó chính là sức mạnh của vô thường. Nửa đêm hôm nay, Như Lai ở giữa song thọ, bị lực vô thường dắt đến diệt độ.

Lúc ấy, các đồng tử đều cùng rơi lệ than:

–Như Lai diệt độ sao sớm vậy! Thế gian sắp mất con mắt!

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la Hệ Đầu¹⁷ là con gái trưởng giả Bà-la-đà. Tỳ-kheo-ni này tự nghĩ: “Ta nghe Thế Tôn không bao lâu nữa sẽ diệt độ, song số ngày đã hết. Giờ ta phải đến chỗ Thế Tôn để hầu thăm.” Tỳ-kheo-ni này ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn.¹⁸ Từ xa, bà trông thấy Như Lai dẫn các Tỳ-kheo và năm trăm đồng tử đang đi đến

¹⁷. Quân-trà-la Hệ Đầu 君荼羅繫頭. Pāli: Kuṇḍalakesā. Bà nguyên tên là Bhaddā, trước đó theo Ni-kiền Tử tu khổ hạnh, tóc bà bị quấn, nên có biệt danh là Kuṇḍalakesā (Tóc Quấn). Sau khi tranh luận với Xá-lợi-phất, bà trở thành Tỳ-kheo-ni và đắc quả A-la-hán. Trên kia, kinh số 5 phẩm 5, tên bà được phiên âm là Bạt-đà Quân-đà-la 拔陀軍陀羅.

¹⁸. Theo các nguồn Pāli, từ Vesālī (Tỳ-xá-ly) đến Kusinārā khoảng mười chín do-tuần.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

rừng Song thọ. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

–Con nghe Thế Tôn sắp diệt độ, không còn ở đời bao lâu.

Thế Tôn nói:

–Đúng vào nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ diệt độ.

Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

–Nay con xuất gia học đạo, lại không kết quả như sở nguyện mà Thế Tôn đã bỏ con diệt độ. Cúi xin Thế Tôn nói pháp vi diệu cho con được như sở nguyện.

Thế Tôn bảo:

–Nay cô hãy tư duy về nguồn gốc của khổ.

Tỳ-kheo-ni lại bạch Phật:

–Thật khổ, bạch Thế Tôn! Thật khổ, bạch Như Lai!

Thế Tôn bảo:

–Cô quán sát ý nghĩa gì mà nói là khổ?

Tỳ-kheo-ni bạch Phật rằng:

–Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, sầu bi não khổ, oán tắng hội khổ, ân ái biệt ly khổ. Tóm lại mà nói năm ấm xí thành là khổ. Bạch Thế Tôn, con đã quán nghĩa này như vậy, cho nên bảo là khổ.

Tỳ-kheo-ni sau khi tư duy nghĩa này, liền ngay ở trên chỗ ngồi đạt được ba đạt trí¹⁹. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

–Con không thể kham thấy Thế Tôn diệt độ. Cúi xin cho phép con diệt độ trước.

Lúc ấy, Thế Tôn im lặng chấp nhận.

Tỳ-kheo-ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, ở trước Phật, thân bay lên hư không, làm mười tám phép biến hóa, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, thân phát ra khói lửa, vọt lên hạ xuống tự do không có gì trở ngại, hoặc phun ra nước lửa đầy khắp hư không. Sau khi biến hóa đủ cách như vậy rồi, liền ở trong Niết-bàn giới vô dư mà diệt độ. Ngay lúc bà diệt độ, tám vạn Thiên tử được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong các Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo-ni có trí tuệ nhanh nhạy đứng đầu chính là Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la.²⁰

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

–Ông đến giữa song thọ trải chỗ nằm cho Như Lai.

Đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Theo lời Phật dạy, A-nan đến giữa song thọ, trải tòa cho Như Lai, rồi trở về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

–Con đã trải tòa xong, đầu về hướng Bắc. Cúi xin Thế Tôn biết thời.

Thế Tôn liền đến giữa Song thọ, vào chỗ đã trải tòa sẵn. Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

–Vì có nhân duyên Như Lai bảo trải chỗ nằm xoay đầu về hướng Bắc?

Phật bảo A-nan:

–Sau khi ta diệt độ, Phật pháp sẽ ở Bắc Thiên-trúc. Vì nhân duyên này nên khiến trải tòa hướng Bắc.

¹⁹. Tam đạt trí 三達智, tức ba minh.

²⁰. Cf. A. i. 25: Khippābhiññānam yadidaṃ bhaddā kuṇḍalakesā, đệ nhất thắng trí nhạy bén là Bhaddā Kuṇḍalakesā.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Lúc ấy, Thế Tôn phân biệt²¹ ba y.

A-nan bạch Phật:

– Vì sao hôm nay Như Lai phân biệt ba y?

Phật bảo A-nan:

– Ta vì đàn-việt thí chủ trong đời tương lai nên phân biệt y này. Vì muốn cho những người kia hưởng phước này nên ta phân biệt y như vậy.

Bấy giờ, trong chốc lát, từ miệng Thế Tôn phát ra ánh sáng năm màu, chiếu khắp mọi nơi. Lúc ấy, A-nan lại bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì hôm nay từ miệng của Như Lai phát ra ánh sáng năm màu?

Thế Tôn bảo:

– Vừa rồi, Ta nghĩ như vậy: “Khi chưa thành đạo, ở trong địa ngục lâu dài, nuốt hòn sắt nóng, hoặc ăn cây cỏ để nuôi thân tứ đại; hoặc làm la, lừa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, hoặc làm ngựa quỉ nuôi bốn đại; hoặc sinh làm thân người,²² mang hình chịu nạn thọ thai, hoặc hưởng phước trời ăn cam lồ tự nhiên Nay Ta đã thành Như Lai, dùng căn lực ngộ đạo mà thành thân Như Lai. Vì nhân duyên này nên miệng phát ra ánh sáng năm màu.

Một lát sau, từ miệng Như Lai lại phát ra ánh sáng vi diệu hơn ánh sáng trước. Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

– Vì nhân duyên gì Như Lai lại phát ra ánh sáng hơn ánh sáng trước?

Thế Tôn bảo:

– Vừa rồi Ta tự nghĩ: “Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ khi diệt độ thì pháp để lại không tồn tại lâu dài trên đời.” Ta suy nghĩ lại: “Dùng phương tiện nào để pháp của ta tồn tại lâu dài ở đời?” Thân Như Lai là thân Kim cang, ý muốn nghiền nát thân này như hạt cải cho lưu bố trên thế gian, khiến những đàn-việt có lòng tin đời tương lai, tuy không thấy hình tượng Như Lai, nhưng chọn lấy đó cúng dường, nhờ duyên phước lành này sẽ sinh vào nhà bốn giai cấp, nhà Tứ Thiên vương, trời Tam thập tam, trời Hê, trời Đâu-thuật, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại. Nhờ phước lành này mà sinh vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc lại đắc đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật hoặc thành Phật đạo. Vì nhân duyên này nên phát ra ánh sáng này như vậy.

Lúc ấy, Thế Tôn tự thân gấp Tăng-già-lê thành bốn lớp, nằm nghiêng qua hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau. Lúc ấy, Tôn giả A-nan thương khóc rơi nước mắt, không thể tự kiểm chế, lại tự trách mình chưa được thành đạo, còn bị kết sử trói buộc, mà nay Thế Tôn đã bỏ mình diệt độ, sẽ nương tựa vào ai?

Lúc ấy, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo A-nan đang ở đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Tỳ-kheo A-nan đang ở sau giường Như Lai, buồn khóc rơi lệ, không thể tự kiểm chế, lại tự trách đã không thành đạo, lại chưa dứt sạch kết sử, mà nay Thế Tôn đã bỏ mình Niết-bàn.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

– Thôi! Thôi! A-nan, chớ có sầu ưu. Phạm vật ở đời đáng phải tan rã, muốn cho

²¹. Phân biệt, từ dịch khác của tác tịnh 作淨. Pāli: Kappakata; Vin. iv. 286: Samañacīvaram nāma kappakatena vuccati, y của sa-môn là y đã được tác tịnh (phân biệt). Y mới của Tỳ-kheo trước khi dùng cần được hợp pháp hóa (xác nhận sở hữu hợp pháp) bằng cách chấm một điểm ở góc (điểm tịnh 點淨, Pāli: Kappabindu). Cf. *Tứ Phần 16* (tr. 676c14.); *Luật Căn Bản 16* (T23n1442, tr. 711a28).

²². Cụm từ này sót trong để bản. Đây y theo bản TNM thêm vào.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không biến đổi thì việc này không đúng, cần nỗ lực tinh tấn nhờ tu tập chánh pháp, như vậy không bao lâu cũng sẽ hết gốc khổ, thành hạnh vô lậu. Thời quá khứ, các Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác²³ cũng có thị giả như vậy. Giả sử hằng sa chư Phật trong tương lai cũng sẽ có thị giả như Tỳ-kheo A-nan.

Chuyển luân thánh vương có bốn pháp chưa từng có. Sao gọi là bốn? Ở đây, khi Chuyển luân thánh vương đi ra khỏi nước, nhân dân thấy không một ai không vui vẻ. Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương có dạy điều gì thì những ai nghe không một ai không vui mừng, nghe những lời dạy này không biết chán. Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương im lặng. Giả sử người dân thấy vua im lặng thì cũng lại hoan hỷ. Đây Tỳ-kheo, đó gọi là bốn Pháp chưa từng có của Chuyển luân thánh vương.

Tỳ-kheo nên biết! Hôm nay, A-nan cũng có bốn pháp chưa từng có. Sao gọi là bốn? Giả sử Tỳ-kheo A-nan im lặng đến giữa đại chúng thì nếu có ai thấy, không ai không vui vẻ. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói điều gì thì ai nghe những lời này cũng đều vui vẻ. Giả sử A-nan im lặng thì cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo A-nan đi vào trong bốn chúng như Sát-lợi, Bà-la-môn, quốc vương, cư sĩ thì họ đều vui vẻ, sinh lòng cung kính, nhìn mà không biết chán. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói những điều gì thì người nghe dạy pháp cũng nghe không biết chán. Đây các Tỳ-kheo, đó gọi là bốn pháp chưa từng có của Tỳ-kheo A-nan.

Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

–Phải làm sao cùng người nữ tòng sự? Mà nay, đến giờ Tỳ-kheo phải đắp y, mang bát, khát thực mọi nhà để tạo phước cho chúng sinh.

Phật bảo A-nan:

–Chớ có gặp nhau; nếu có gặp nhau thì chớ có nói chuyện; nếu nói chuyện thì phải chuyên tâm ý.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Chớ giao du người nữ
Cũng chớ có nói chuyện
Ai có thể xa là
Thì tránh được tám nạn.*

□

²³. Để bản: Đa-tát a-kiệt a-la a-tam-da-tam-phật.